TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đức Huấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Ngọc.
2. Bà Nguyễn Thị Lựu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh H tham gia phiên toà: Ông Tăng Bá Thắng-Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 225/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/7/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị V1, sinh năm 1979.
Bị đơn: Anh Vũ Văn Đ1, sinh năm 1972.
Đều có địa chỉ: Khu dân cư Q, phường P, thị xã K, tỉnh H.
Chị V1, anh Đ1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn-Chị Trần Thị V1 trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Vũ Văn Đ1, sinh năm 1972 là người cùng xóm vào đầu năm 1996 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Tuy nhiên, khi cưới do chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hai bên gia đình chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán mà không đến Uỷ ban nhân dân xã để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị về gia đình anh Đ1 chung sống. Quá trình chung sống đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian anh Đ1 đi xuất khẩu lao động sang Mailaisia có quan hệ nam nữ không lành mạnh. Sau khi anh Đ1 về nước bà có bỏ qua mọi chuyện để vợ chồng đoàn tụ,

cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh Đ1 không sửa đổi mà tiếp tục quan hệ nam nữ ngoài hôn nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Chị và anh Đ1 đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau khoảng 05 năm nay. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Vũ Văn Đ1.

2. Quan hệ về con chung: Vợ chồng chị có 02 con là Vũ Tuấn Anh, sinh ngày 13/8/1998 và Vũ Văn Hùng, sinh ngày 16/3/2001. Hiện các con đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn-anh Vũ Văn Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2023, người làm chứng bà Nguyễn Thị S1 trình bày: Bà có quan hệ là mẹ đẻ anh Vũ Văn Đ1, chị Trần Thị V1 là con dâu bà. Chị V1, anh Đ1 quen và yêu nhau vào khoảng năm 1996 và đi đến quan hệ hôn nhân. Hai anh chị kết hôn vào khoảng đầu năm 1996, khi đó do chị V1 chưa đủ tuổi kết hôn nên hai bên gia đình chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán chứ không ra Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau này chị V1, anh Đ1 có đến Ủy ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn hay không thì bà không nắm được. Sau ngày cưới, chị V1 về gia đình bà chung sống được khoảng 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn giữa chị V1 với gia đình bà. Chị V1 có những cử chỉ, lời nói xúc phạm đến gia đình bà nên gia đình bà đã trả chị V1 cho gia đình thông gia. Sau đó anh Đ1 sang gia đình chị V1 chung sống được một thời gian thì hai vợ chồng mua đất ra ở riêng. Quá trình chung sống tại đây thì vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống và phát triển kinh tế gia đình. Do nợ tiền làm ăn, nhiều chủ nợ đến đòi nên anh Đ1 đã bỏ trốn khỏi gia đình. Hiện anh Đ1 làm gì, ở đâu bà không nắm được. Nay chị V1 làm đơn xin ly hôn anh Đ1 tại Tòa án, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; chị V1, anh Đ1 có 02 con là Vũ Tuấn Anh, sinh năm 1998 và Vũ Văn Hùng, sinh năm 2001. Hiện các cháu đã trưởng thành và sinh sống trên thửa đất của chị V1, anh Đ1.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2023,người làm chứng bà Phạm Thị G1 trình bày: Bà có quan hệ là mẹ đẻ chị Trần Thị V1, anh Vũ Văn Đ1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn vì khi đó chị V1 chưa đủ tuổi kết hôn. Hai bên gia đình chỉ tổ chức lễ cưới cho anh chị theo phong tục tập quán. Sau ngày cưới, chị V1 về gia đình anh Đ1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, gia đình thông gia mang chị V1 giao trả gia đình bà. Sau đó anh Đ1 sang gia đình bà chung sống cùng chị V1. Quá trình chung sống tại đây được một thời gian thì vợ chồng bà mua đất và cho vợ chồng chị V1, anh Đ1 ra ở nhờ. Sau khi ra ở riêng được một thời gian thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ1 có

quan hệ với người phụ nữ khác và thường xuyên cờ bạc dẫn đến nợ nần. Do nợ tiền xã hội nên anh Đ1 phải bỏ trốn khỏi nhà. Nay chị V1 làm đơn xin ly hôn anh Đ1, quan điểm của bà xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V1 ly hôn với anh Đ1; chị V1, anh Đ1 có 02 con là Vũ Tuấn Anh, sinh năm 1998 và Vũ Văn Hùng, sinh năm 2001. Hiện các cháu đã trưởng thành, cháu Tuấn Anh lao động bên Nhật còn cháu Hùng đang làm nghề lao động tự do tại địa phương.

- *Tại biên bản xác minh ngày 27/7/2023, UBND phường P, thị xã K cung cấp*: Qua rà soát sổ đăng ký kết hôn được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường P từ năm 1995 đến nay, xác định chị Trần Thị V1, sinh năm 1979; sinh quán: Phường P, thị xã K không đăng ký kết hôn với anh Vũ Văn Đ1, sinh năm 1972; sinh quán: Phường P, thị xã K. Qua nắm bắt tình hình tại địa phương xác định chị Trần Thị V1 và anh Vũ Văn Đ1 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và chung sống với nhau tại khu dân cư Q, phường P, thị xã K. Chị V1, anh Đ1 sinh được 02 người con là Vũ Tuấn Anh, sinh ngày 13/8/1998 và Vũ Văn Hùng, sinh ngày 13/6/2001. Thời gian gần đây vợ chồng có mâu thuẫn, sống ly thân nên chị V1 làm thủ tục ly hôn.

- *Tại biên bản xác minh ngày 27/7/2023, Công an phường P, thị xã K cung cấp*: Qua rà soát trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác định: Anh Vũ Văn Đ1, sinh ngày 10/10/1972 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu dân cư Q, phường P, thị xã K, tỉnh H. Anh Đ1 chưa làm thủ tục cắt khẩu khỏi địa phương. Hiện anh Đ1 đang vắng mặt tại nơi cư trú.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử (*Viết tắt: HĐXX*) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử không quan hệ hôn nhân giữa chị V1, anh Đ1; về án phí: Chị V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ trông chấp*: Chị Trần Thị V1 khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28

Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn-anh Vũ Văn Đ1 có địa chỉ: Khu dân cư Q, phường P, thị xã K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng*: Do anh Vũ Văn Đ1 vắng mặt tại nơi cứ trú nên Tòa án không thể cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh Đ1 tại Trụ sở Tòa án, Ủy nhân nhân dân phường P và nơi cư trú của anh Đ1. Như vậy, việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn hợp lệ theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Chị Trần Thị V1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Vũ Văn Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Theo lời khai của chị V1, bà Nguyễn Thị S1-Mẹ đẻ anh Đ1 và bà Phạm Thị G1-Mẹ đẻ chị V1 đều xác định, chị Trần Thị V1 kết hôn với anh Vũ Văn Đ1 vào khoảng đầu năm 1996. Thời điểm đó, do chị V1 chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên hai bên gia đình chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục mà không đến Uỷ ban nhân dân xã để làm thủ tục đăng ký kết hôn; kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường P xác định: Qua rà soát Sổ đăng ký kết hôn được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường P từ năm 1995 đến nay không có trường đăng ký kết hôn giữa chị Trần Thị V1, sinh năm 1979; sinh quán: Phường P, thị xã K và anh Vũ Văn Đ1, sinh năm 1972; sinh quán: Phường P, thị xã K. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định chị Trần Thị V1 và anh Vũ Văn Đ1 khi về chung sống với nhau đã không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị Trần Thị V1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị V1 và anh Đ1.

[3]. *Quan hệ về con chung*: Chị V1, anh Đ1 có 02 con là Vũ Tuấn Anh, sinh ngày 13/8/1998 và Vũ Văn Hùng, sinh ngày 16/3/2001. Hiện các con đã trưởng thành, trên 18 tuổi, chị V1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Quan hệ về tài sản chung, nợ chung*: Chị V1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị V1 và anh Vũ Văn Đ1.

2. Về án phí: Chị Trần Thị V1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, theo biên lai số AA/2021/0004600 ngày 19/7/2023. Chị Trần Thị V1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (*vắng mặt*) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường P (*để vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đặng Đức Huấn